

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐƠN DƯƠNG
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2025/HNGĐ - ST

Ngày: 02/6/2025

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐƠN DƯƠNG, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Anh Vũ

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông K’Đim;

2. Bà Nguyễn Thị Loan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Minh Tiến - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 199/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2024 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2025/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm: 1991; Địa chỉ: Tổ dân phố N, thị trấn T, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng (có mặt).

Bị đơn: ông **Phùng Viết G**, sinh năm: 1983; Địa chỉ: thôn K, xã K, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 10 năm 2024 và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày: Bà và ông Phùng Viết G tự nguyện kết hôn năm 2010, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã K ngày 14/4/2010. Sau khi kết hôn, bà và ông Phùng Viết G chung sống thời gian đầu cũng hạnh phúc. Tuy nhiên, thời gian vừa qua vợ chồng sống không hạnh phúc nữa do chồng không có sự quan tâm đến gia đình, có tính gia trưởng và thường xúc phạm bà. Có lần bà phải cắt tay tự vẫn nhưng được cứu chữa kịp thời. Những mâu thuẫn cứ như vậy kéo dài làm cho tinh thần bà không ổn định. Bà và ông G đã không còn quan tâm đến nhau hơn một năm qua và cho đến nay bản thân bà xác định tình cảm vợ chồng giữa bà và ông G không còn,

không thể tiếp tục kéo dài cuộc hôn nhân mà không có hạnh phúc. Do vậy, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phùng Viết G.

Về con chung: Bà N cho biết bà và ông G có 03 con chung là Phùng Thị Kiều M, sinh ngày 11/9/2010; Phùng Quốc A, sinh ngày 22/10/2012; Phùng Ngọc Khánh V, sinh ngày 23/4/2022. Vào thời điểm bà nộp đơn ly hôn thì bà cho biết các cháu Khánh V và Kiều M đang do bà nuôi dưỡng nhưng trong quá trình giải quyết vụ án thì xác định các con chung đang do ông Phùng Viết G trực tiếp nuôi dưỡng. Bà N thống nhất sẽ giao cả 03 con chung cho ông G trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi thành niên và bà sẽ cấp dưỡng nuôi mỗi con chung mỗi tháng 1.500.000đ.

Về tài sản chung và nợ chung: bà N trình bày bà và ông G sẽ tự thỏa thuận giải quyết, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Phùng Viết G cho biết: ông xác nhận ông và bà Nguyễn Thị N tự nguyện kết hôn vào năm 2010, có đăng ký kết hôn lại tại ủy ban nhân dân xã K, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng như bà Nguyễn Thị N trình bày. Sau khi kết hôn, ông và bà N chung sống hạnh phúc thời gian đầu nhưng từ cuối năm 2023 do bà N đi học lái xe và có quan hệ với người đàn ông khác, bỏ bê gia đình, không quan tâm đến các con. Bà N đã về nhà bố mẹ ruột sinh sống, bỏ lại 03 con nhỏ cho ông nuôi dưỡng. Bản thân ông muốn bà N về nhà chung sống hàn gắn hạnh phúc gia đình và cùng chăm lo cho các con chứ không muốn ly hôn. Ông thống nhất ông và bà N có 03 con chung là Phùng Thị Kiều M, sinh ngày 11/9/2010; Phùng Quốc A, sinh ngày 22/10/2012; Phùng Ngọc Khánh V, sinh ngày 23/4/2022. Do ông không muốn ly hôn nên không có ý kiến về việc phải giao con cho ai nuôi dưỡng. Ông cho biết ông và bà N không có tài sản chung và nợ chung.

Tại phiên tòa, bà N vẫn giữ nguyên ý kiến khởi kiện của mình, không có thay đổi ý kiến về việc giải quyết vụ án về các vấn đề ly hôn, nuôi con chung và vấn đề tài sản chung, nợ chung. Ông G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, không thể hiện ý kiến của mình về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật; bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Nguyễn Thị N được ly hôn với Phùng Viết G; về con chung: giao cả 03 con chung chưa thành niên là Phùng Thị Kiều M, Phùng Quốc A, Phùng Ngọc Khánh V cho ông G trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi thành niên. Ghi nhận sự tự nguyện của bà N về việc cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đ/01 con chung; về tài sản chung và nợ chung bà N không yêu cầu giải quyết, ông G không có mặt để thể hiện ý kiến của mình nên không xem xét đến. Về án phí: bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tra tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Do có mâu thuẫn không thể giải quyết được nên bà Nguyễn Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với Phùng Viết G và tự nguyện giao cả 03 con chung cho ông G trực tiếp nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử xác định đây là “Tranh chấp ly hôn” giữa bà Nguyễn Thị N và Phùng Viết G. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã Ka Đơn, huyện Đơn Dương nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự:

Quá trình giải quyết vụ án, bà N yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án do bị đơn Phùng Viết G vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án và mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ vắng mặt Phùng Viết G và thông báo kết quả phiên họp cho ông G được biết theo quy định tại khoản 4 Điều 207 và khoản 2 Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Phùng Viết G đã được Tòa án triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai theo đúng quy định tại các Điều 175, 177, 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông G theo thủ tục chung và dành quyền kháng cáo cho ông G theo quy định.

[2] Về nội dung tranh chấp, xét yêu cầu của nguyên đơn thấy rằng:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: bà N và ông G kết hôn với nhau tự nguyện năm 2010 và đã được UBND K, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 28, Quyển số 02/09 ngày 14/4/2010. Thời điểm đăng ký kết hôn, ông bà đều đủ điều kiện kết hôn. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông G là hợp pháp.

Theo bà N, bà và ông G sống hạnh phúc thời gian đầu nhưng gần đây do ông G không có sự quan tâm đến gia đình, có tính gia trưởng và thường xúc phạm bà. Có lần bà phải cắt tay tự vẫn nhưng được cứu chữa kịp thời. Những mâu thuẫn cứ như vậy kéo dài làm cho tinh thần bà không ổn định. Còn theo ông G cho biết nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng từ năm 2023 do bà N đi học lái xe và có quan hệ với người đàn ông khác, bỏ bê gia đình, về nhà bỏ mẹ ruột của bà sinh sống, để lại 03 con nhỏ cho ông nuôi dưỡng. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ông G không có mặt để Tòa án ghi nhận ý kiến, tiến hành hòa giải làm rõ các nội dung mâu thuẫn. Tuy nhiên, có thể thấy rằng cho dù nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là gì đi nữa thì trên thực tế hiện nay, bà N và ông G không còn chung sống với nhau và cũng không còn quan tâm gì đến nhau. Tại phiên tòa, Hội

đồng xét xử cũng đã phân tích để bà N suy nghĩ lại để trở về hàn gắn hạnh phúc, đoàn tụ với ông G để cùng nhau chăm lo cho các con chung nhưng bà N kiên quyết xin ly hôn. Điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng giữa bà và ông G hiện nay không còn nữa.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng yêu cầu ông G đến Tòa án làm việc, hòa giải nhưng ông G vẫn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án để thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Việc bà N ra sống riêng nhưng ông G cũng không không có sự tác động để bà N trở về chung sống và xây dựng hạnh phúc gia đình.

Từ những tình tiết trên có thể thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà N và ông G là có thật, đã lâm vào tình trạng trầm trọng, khó hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N và cho bà được ly hôn với ông G là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: bà N và ông G đều xác nhận ông bà có 03 con chung là Phùng Thị Kiều M, sinh ngày 11/9/2010; Phùng Quốc A, sinh ngày 22/10/2012; Phùng Ngọc Khánh V, sinh ngày 23/4/2022. Theo bản sao các giấy khai sinh do bà N cung cấp cho Tòa án thể hiện các cháu là con chung của ông G và bà N. Theo ý kiến của bà N thì bà đồng ý giao cả 03 con chung cho ông G trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu cho đến khi thành niên, bà tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đ/01 con chung cho đến khi các con chung tròn 18 tuổi.

Xét việc giao con cho ai nuôi dưỡng phải xem xét đến sự đảm bảo phát triển tốt về mọi mặt của con. Tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 7 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*”. Hiện tại cháu Phùng Thị Kiều M và Phùng Quốc A đã trên 7 tuổi nên phải xem xét đến nguyện vọng của cháu. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, cháu M và cháu A có nguyện vọng được ông G trực tiếp nuôi dưỡng.

Theo biên bản xác minh ngày 14/4/2025 thì bà Trần Thị Bích V, trưởng thôn Krănggọ 2, xã Ka Đơn cho biết từ cuối năm 2023 thì bà N về nhà mẹ đẻ của bà sinh sống, bỏ lại 03 đứa con cho ông G nuôi dưỡng. Như vậy có thể thấy hiện tại cháu Phùng Ngọc Khánh V cũng đang sinh sống cùng ông G. Từ năm 2023 đến nay tuy có hoàn cảnh khó khăn nhưng ông G vẫn chăm sóc được cho cả 03 con chung. Ông G cũng không có mặt tại toà án để bày tỏ nguyện vọng của mình về việc nuôi con. Tuy nhiên, để đảm bảo sự ổn định về chỗ ở và điều kiện sinh sống cũng như gắn kết tình cảm của 03 chị em là con chung của ông G, bà N cùng sự tự nguyện của bà N về việc giao cả 03 con chung cho ông G nuôi dưỡng thì Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao cả 03 con chung là Phùng Thị Kiều M, Phùng Quốc A, Phùng Ngọc Khánh V cho ông G trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi thành niên là phù hợp với quy định của

pháp luật, điều kiện hoàn cảnh thực tế của các bên và cũng phù hợp với nguyện vọng của con chung.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đ/01 con chung. Xét ý kiến của bà N là tự nguyện và phù hợp với hoàn cảnh thực tế của ông G và bà N nên hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của bà N.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: bà N, ông G không có tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

[3] Về án phí: Buộc nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị đơn không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39, Điều 146, 147, 175, 177, 179, 205, 207, 220, 227, 228, 262, 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ khoản 2 điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự; Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N đối với bị đơn Phùng Viết G. Cho bà Nguyễn Thị N được ly hôn với Phùng Viết G.

Quan hệ hôn nhân theo giấy chứng nhận kết hôn số 28 quyển số 02/09 ngày 14/4/2010 của UBND xã K chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực

2. Về con chung: Giao cả 03 con chung chưa thành niên là Phùng Thị Kiều M, sinh ngày 11/9/2010; Phùng Quốc A, sinh ngày 22/10/2012; Phùng Ngọc Khánh V, sinh ngày 23/4/2022 cho ông Phùng Viết G trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi thành niên.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị N về việc cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đ/01 con chung. Thời điểm cấp dưỡng tính từ này tuyên án sơ thẩm cho đến khi các con chung của hai bên đương sự đủ 18 tuổi hoặc khi nghĩa vụ cấp dưỡng được chấm dứt theo các trường hợp quy định tại điều 118 luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; yêu cầu cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải

trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp theo biên lai thu số 0002718 ngày 24/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đơn Dương. Bà N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. ông Phùng Viết G không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Phùng Viết G vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự ./

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương;
- Chi cục THA dân sự huyện Đơn Dương;
- UBND xã Ka Đơn, Đơn Dương, Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Đình A Vũ